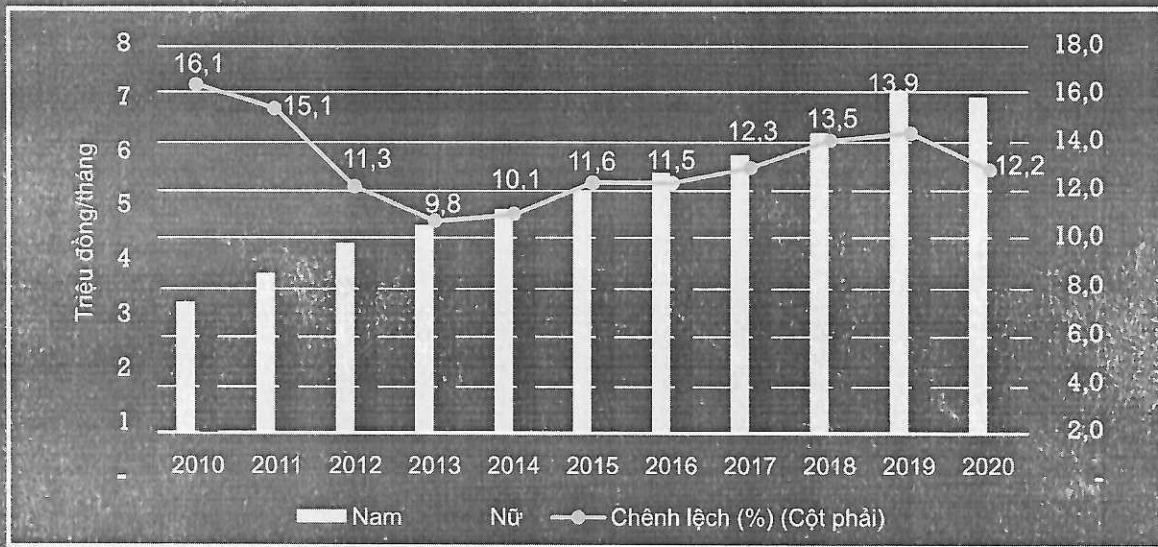


# Tạp chí Nghiên cứu kinh tế

## JOURNAL OF ECONOMIC STUDIES

ISSN 0866 7489

**Chênh lệch thu nhập bình quân của lao động làm công ăn lương  
giai đoạn 2010-2020 (triệu đồng/tháng)**



- Phát triển chuỗi giá trị may mặc nội địa  
Developing the domestic garment value chains.

- Các ngành chế biến, chế tạo ưu tiên từ quan điểm phát triển bền vững  
Prioritized manufacturing industries from the perspective of sustainable development

- Liên kết các chủ thể trong phát triển ngành mắc ca  
Actors' linkage in development of macadamia industry

- Ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo  
trong các doanh nghiệp tại Việt Nam  
Technology application and innovation in Vietnam's enterprises

- Tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã tại Việt Nam  
Organization and operation of Vietnam's cooperatives



VIỆN KINH TẾ VIỆT NAM - VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM  
VIETNAM INSTITUTE OF ECONOMICS - VIETNAM ACADEMY OF SOCIAL SCIENCES





# Nghiên cứu Kinh tế

TẠP CHÍ RA MỖI THÁNG MỘT KỲ

Tòa soạn:

: Tòa B – Số 1 Đường Liêng Giai, Quận Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại

: 024-62730822

E-mail

: tenckt@gmail.com

Số 11 (534)  
THÁNG 11 NĂM 2022  
NĂM THỨ 62

**TỔNG BIÊN TẬP**  
PGS.TS. BÙI QUANG TUẤN

**PHÓ TỔNG BIÊN TẬP**

TS. NGUYỄN BÌNH GIANG  
TS. LÊ XUÂN SANG

**HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP**

Chủ tịch

PGS.TS. BÙI QUANG TUẤN

Ủy viên

PGS.TS. BÙI NHẬT QUANG

GS.TS. ĐỖ HOÀI NAM

TS. CHỦ VĂN LÂM

TS. VŨ TUẤN ANH

PGS.TS. NGUYỄN HỮU ĐẠT

PGS.TS. TRẦN ĐÌNH THIỀN

PGS.TS. BÙI TẤT THẮNG

PGS.TS. CÙ CHÍ LỢI

PGS.TS. NGUYỄN CHIẾN THẮNG

**THƯ KÝ TÒA SOẠN**

TS. NGUYỄN THỊ HỒNG TÂM

Ché bản điện tử tại phòng máy  
Viện Kinh tế Việt Nam

Giấy phép xuất bản  
số 380/GP-BTTTT ngày  
22/6/2021 của Bộ Thông tin  
và Truyền thông

In tại Nhà in Sư thật  
120 trang, khổ 19x27 cm

*Giá: 70.000đ*

## MỤC LỤC

- 3 Phát triển chuỗi giá trị may mặc nội địa trong bối cảnh mới: vấn đề và giải pháp  
*Bùi Quang Tuấn, Trần Thị Vân Anh*
- 15 Đánh giá thực trạng các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ở Việt Nam theo quan điểm phát triển bền vững  
*Nguyễn Thị Ánh Tuyết, Tạ Phúc Đường*
- 35 Liên kết các chủ thể trong phát triển ngành măc ca Việt Nam  
*Ma Ngọc Ngà, Đào Thị Hoàng Mai*
- 45 Khoảng cách tiền lương theo giới trong bối cảnh Việt Nam tham gia chuỗi giá trị toàn cầu  
*Phạm Minh Thái*
- 57 Thực trạng tổ chức và hoạt động của các hợp tác xã tại Việt Nam: nghiên cứu diểm tại Sơn La, Đà Nẵng và An Giang  
*Nguyễn Văn Phương, Vũ Thị Hải, Lý Thu Cúc*
- 70 Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam đối với vấn đề tạo việc làm  
*Vũ Tuấn Hưng, Nguyễn Danh Nam*
- 77 Thực trạng hoạt động ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các doanh nghiệp tại Việt Nam  
*Phan Huy Đường*
- 88 Thúc đẩy sự tham gia của doanh nghiệp nhỏ và vừa vào chuỗi giá trị toàn cầu: kinh nghiệm của các quốc gia ASEAN và hàm ý cho Việt Nam  
*Trần Thị Mai Thành*
- 101 Kinh nghiệm phát triển kinh tế ban đêm ở Úc và Mỹ: bài học đối với Việt Nam  
*Lê Thị Thu Hiền, Trần Thị Thu Thủy*
- 112 Các yếu tố ảnh hưởng đến rủi ro thương mại của các đại lý vật tư nông nghiệp tỉnh An Giang  
*Nguyễn Lan Duyên, Cao Văn Hon*



# ECONOMIC Studies

Nº11 (534)  
NOVEMBER 2022  
62<sup>nd</sup> YEAR

A M O N T H L Y J O U R N A L

- Editorial office* : 1B Lieu Giai Street, Ba Dinh District, Hanoi  
*Tel* : 024-62730822  
*E-mail* : tenckt@gmail.com

**EDITOR-IN-CHIEF**

BUI QUANG TUAN

**DEP. EDITOR-IN-CHIEF**

NGUYEN BINH GIANG  
LE XUAN SANG

**SUB-EDITOR**

NGUYEN THI HONG TAM

**EDITORIAL BOARD**

**Chairman**

BUI QUANG TUAN

**Members**

BUI NHAT QUANG

DO HOAI NAM

CHU VAN LAM

VU TUAN ANH

NGUYEN HUU DAT

TRAN DINH THIEN

BUI TATTHANG

CU CHI LOI

NGUYEN CHIEN THANG

## CONTENT

- 3 Developing the domestic garment value chain in the new context: current situation and solutions

*Bui Quang Tuan, Tran Thi Van Anh*

- 15 Assessment of the current situation of manufacturing industries in Vietnam from the perspective of sustainable development

*Nguyen Thi Anh Tuyet, Ta Phuc Duong*

- 35 Actors' linkage in development of Vietnam's macadamia industry

*Ma Ngoc Nga, Dao Thi Hoang Mai*

- 45 Gender wage gap when Vietnam participates in the global value chain

*Pham Minh Thai*

- 57 Organization and operation of cooperatives in Vietnam: case studies in Son La, Da Nang and An Giang provinces

*Nguyen Van Phuong,  
Vu Thi Hai, Ly Thu Cuc*

- 70 Vietnam small and medium enterprise with job creation

*Vu Tuan Hung, Nguyen Danh Nam*

- 77 Current situations of technology application and innovation in enterprises in Vietnam

*Phan Huy Duong*

- 88 Promoting the participation of SMEs in global value chains: experiences of ASEAN member states and implications for Vietnam

*Tran Thi Mai Thanh*

- 101 Evening economy development in Australia and the United State and lessons for Vietnam

*Le Thi Thu Hien, Tran Thi Thu Thuy*

- 112 Factors affecting trade risks of agricultural materials agents in An Giang

*Nguyen Lan Duyen, Cao Van Hon*

## DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA VIỆT NAM ĐỐI VỚI VẤN ĐỀ TẠO VIỆC LÀM

Vietnam small and medium enterprise with job creation

VŨ TUẤN HƯNG  
NGUYỄN DANH NAM

**D**oanh nghiệp nhỏ và vừa được coi là động lực quan trọng nhất của tăng trưởng kinh tế và đóng một vai trò quan trọng trong vấn đề tạo việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp. Theo báo cáo của ILO (2019), các doanh nghiệp nhỏ và vừa cung cấp 2/3 tổng số việc làm chính thức ở các quốc gia đang phát triển và tới 80% ở các quốc gia có thu nhập thấp. Việt Nam có 651.138 doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 97,4% tổng số doanh nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. Trong đó, 67,2% là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp quy mô nhỏ chiếm 26,8% và 3,4% doanh nghiệp quy mô vừa. Các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ đóng góp khoảng 28,7% tổng số việc làm, trong khi doanh nghiệp quy mô vừa đóng góp khoảng 8,8% tổng số việc làm. Nhìn chung, các doanh nghiệp nhỏ và vừa đóng góp 37,5% tổng số việc làm của Việt Nam. Việc phân tích, nghiên cứu vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa với việc tạo việc làm có vai trò quan trọng góp phần định hướng chính sách trong đầu tư và thúc đẩy sự phát triển song trùng kinh tế và xã hội bền vững.

**Từ khóa:** doanh nghiệp nhỏ và vừa, tạo việc làm, Việt Nam.

**S**mall and medium enterprise are considered as the most important driver of economic growth and play an important role in job creation and unemployment reduction. According to the ILO report (2019), small and medium enterprises provide two-thirds of all formal employment in developing countries and up to 80% in low-income countries. Vietnam has 651,138 small and medium enterprises, accounting for 97,4% of the total number of enterprises in the national economy. Of which, 67,2% are micro enterprises, small-scale enterprises account for 26,8% and 3,4% medium-sized enterprises. Micro and small enterprises contribute about 28,7% of total employment, while medium-sized enterprises contribute about 8,8% of total employment. Overall, SMEs contribute 37,5% of total employment in Vietnam. Analyzing and researching the role of small and medium-sized enterprises in job creation plays an important role in contributing to policy orientation in investment and promoting sustainable economic and social parallel development.

**Keywords:** small and medium enterprises, job creation, Vietnam.

Vũ Tuấn Hưng, PGS.TS., Viện Khoa học xã hội vùng Nam bộ; Nguyễn Danh Nam, TS., Trường đại học Công nghệ Đông Á.

### 1. Đặt vấn đề

Bối cảnh toàn cầu hóa và những thay đổi về công nghệ đã tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) tiếp cận những cơ hội và thách thức mới. DNNVV được coi là động lực quan trọng nhất của tăng trưởng kinh tế và đóng một vai trò quan trọng trong vấn đề tạo việc làm, giảm tỷ lệ thất nghiệp. Theo báo cáo của ILO (2019), các DNNVV cung cấp 2/3 tổng số việc làm chính thức ở các quốc gia đang phát triển và tới 80% ở các quốc gia có thu nhập thấp.

Trong những năm gần đây, môi trường kinh tế vĩ mô thuận lợi hơn cho tăng trưởng của các DNNVV. Phần lớn các doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam là DNNVV, được coi là một bộ phận quan trọng của nền kinh tế quốc gia góp phần tạo ra việc làm và giá trị gia tăng. Các DNNVV hoạt động trong mọi lĩnh vực của nền kinh tế quốc dân từ sản xuất công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ... Theo số liệu điều tra của ngành thống kê tại thời điểm 31-12-2019, Việt Nam có 651.138 DNNVV chiếm 97,4% tổng số doanh nghiệp trong nền kinh tế quốc dân. Trong đó, 67,2% là doanh nghiệp siêu nhỏ, doanh nghiệp quy mô nhỏ chiếm 26,8% và 3,4% doanh nghiệp quy mô vừa. Các doanh nghiệp siêu nhỏ và nhỏ đóng góp khoảng 28,7% tổng số việc làm, trong khi doanh nghiệp quy mô vừa đóng góp khoảng 8,8% tổng số việc làm. Nhìn chung, các DNNVV đóng góp 37,5% tổng số việc làm của Việt Nam, phần còn lại là các doanh nghiệp quy mô lớn với 62,5% (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2021). Như vậy, DNNVV có số lượng doanh nghiệp rất lớn nhưng tỷ trọng lao động hạn chế, dẫu sao

họ cũng đã góp phần giải quyết được một phần việc làm của xã hội và đặc biệt các lao động này thường được phân bổ khá đa dạng, tạo sinh kế cho người dân.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu chính được sử dụng là phương pháp phân tích theo chỉ tiêu để đánh giá vai trò của các DNNVV đối với tạo việc làm ở Việt Nam trong thời gian qua. Trong đó, chỉ tiêu được sử dụng để đánh giá tập trung vào tỷ lệ đóng góp tạo việc làm và thu nhập cho người lao động. Để có số liệu phân tích, nhóm tác giả kết hợp đa dạng các phương pháp nghiên cứu sau:

+ Phương pháp thu thập dữ liệu: các số liệu và dữ liệu liên quan đến quá trình phân tích là những số liệu thứ cấp được thu thập chủ yếu từ các cơ quan trung ương như Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Tổng cục Thống kê, Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam. Bên cạnh đó, nghiên cứu còn sử dụng nguồn dữ liệu thu thập trên các bài báo, báo cáo tham luận có liên quan đến đề tài.

+ Phương pháp phân tích và tổng hợp: nghiên cứu các tài liệu, lý thuyết khác nhau về DNNVV, đặc trưng và vai trò của DNNVV bằng cách phân tích chúng thành từng bộ phận; tổng hợp, liên kết từng mặt, từng bộ phận thông tin đã được phân tích tạo ra một hệ thống lý thuyết đầy đủ và sâu sắc đối với những vấn đề chung về DNNVV. Đồng thời phân tích thực trạng vai trò DNNVV đối với tạo việc làm ở Việt Nam trong thời gian qua. Đây cũng chính là cơ sở để đưa ra các kiến nghị nhằm phát triển các DNNVV ở Việt Nam trong thời gian tới.

### 3. Thực trạng vai trò doanh nghiệp nhỏ và vừa đối với tạo việc làm ở Việt Nam

**Doanh nghiệp nhỏ và vừa...**

**BẢNG 1: Thống kê số lao động làm việc trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa của Việt Nam**

Quy mô	Bình quân 2011-2015		Năm 2018		Năm 2019		Chỉ số phát triển		Bình quân 2016-2019
	Số lao động (người)	% lao động nữ	Số lao động (người)	% lao động nữ	Số lao động (người)	% lao động nữ	Tỷ lệ số lao động (%)	Tỷ lệ số lao động (%)	
Siêu nhỏ	1.016.642	36,2	1.706.742	35,7	1.655.462	37,0	97,0	148,8	36,5
Nhỏ	2.394.199	32,8	2.634.747	34,7	2.693.684	36,0	102,2	113,1	34,3
Vừa	1.201.037	35,2	1.318.805	37,5	1.332.372	39,2	101,0	113,2	37,1
Tổng	4.611.878	104,2	5.660.294	107,9	5.681.518	112,2	100,4	125,0	107,9

*Nguồn:* Nhóm tác giả tổng hợp.

Kết quả thống kê tại bảng 1 cho thấy, các DNNVV ngày càng tạo ra nhiều việc làm cho người lao động. Năm 2019, thu hút 5.681.518 lao động, tăng 21.224 lao động so với năm 2018, tương ứng với 4%. Ngoài ra, bình quân giai đoạn 2016-2019 so với bình quân giai đoạn 2011-2015 tăng 25% lao động. Trong đó, năm 2019, doanh nghiệp quy mô nhỏ có tốc độ tăng cao nhất đạt 2.693.747 lao động, tiếp đến là doanh nghiệp siêu nhỏ thu hút 1.655.462 lao động, thu hút số lượng lao

động thấp nhất là các doanh nghiệp quy mô vừa với 1.332.372 lao động. Ngoài ra, tỷ lệ lao động nữ tham gia vào hoạt động sản xuất, kinh doanh tại các DNNVV có xu hướng tăng qua các năm. Bình quân giai đoạn 2016-2019 cao hơn 3,7% so với bình quân giai đoạn 2011-2015. Năm 2019, doanh nghiệp vừa có tỷ lệ lao động nữ cao nhất chiếm 39,2%; tiếp đến là doanh nghiệp siêu nhỏ với 37,0% và tỷ lệ lao động nữ thấp nhất thuộc về doanh nghiệp nhỏ chiếm 36%.

**BẢNG 2: Thống kê mức thu nhập của người lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và vừa ở Việt Nam**

TT	Quy mô doanh nghiệp	Mức thu nhập (nghìn đồng/tháng)			Chỉ số phát triển (%)	
		Bình quân giai đoạn 2011-2015	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2019 so với năm 2018	Bình quân giai đoạn 2016-2019 so với bình quân giai đoạn 2011-2015
1	Siêu nhỏ	4.182	6.994	6.940	99,2	149,7
2	Nhỏ	4.781	7.631	8.066	105,7	152,9
3	Vừa	5.432	8.254	8.904	107,9	148,6
	Tổng bình quân chung	4.798	7.626	7.970	104,3	150,4

*Nguồn:* Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021).

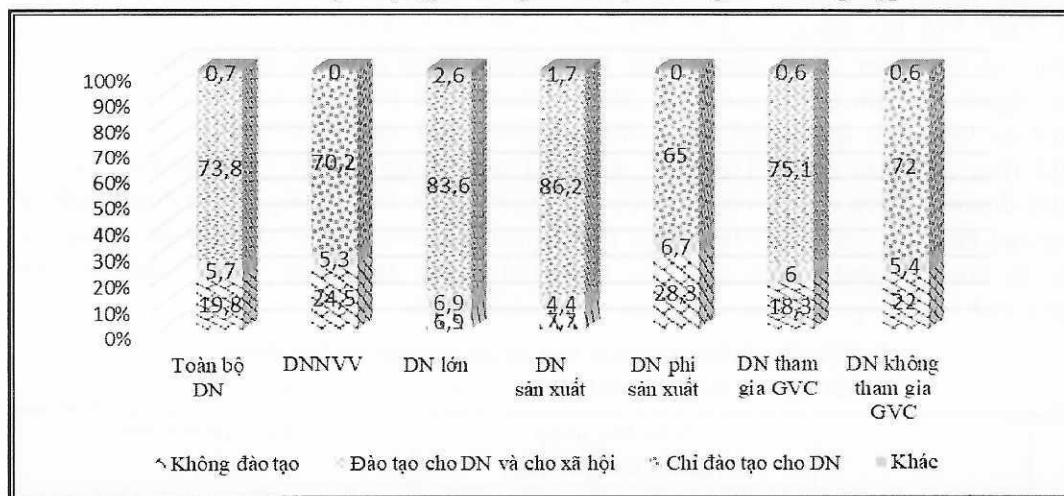
## Doanh nghiệp nhỏ và vừa...

Kết quả phân tích tại bảng 2 cho thấy, mức thu nhập của người lao động có sự cải thiện và tăng trưởng qua các năm. Bình quân giai đoạn 2016-2019 có tỷ lệ tăng 50,4% so với bình quân giai đoạn 2011-2015. Trong đó, năm 2019, doanh nghiệp vừa có tỷ lệ tăng cao nhất đạt 8.904 nghìn đồng/tháng tăng 7,9% so với năm 2018; tiếp đến là doanh nghiệp nhỏ đạt 8.066 nghìn đồng/tháng tăng 5,7% so với năm 2018; doanh nghiệp siêu nhỏ không có sự cải thiện, thậm chí còn giảm nhẹ xuống còn 6.940 nghìn đồng/tháng, giảm 0,8% so với năm 2018.

### 4. Thực trạng tham gia của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong quá trình nâng cao năng lực cho người lao động phục vụ Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Theo kết quả khảo sát của VCCI (2021), có 75,5% DNNVV thực hiện đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người lao động, trong đó phần lớn là tự đào tạo cho lao động trong doanh nghiệp chiếm 70,2% và chỉ có 5,3% DNNVV, bên cạnh việc đào tạo cho nhân lực trong doanh nghiệp còn thực hiện đào tạo nhân lực cho xã hội

HÌNH 1: Thực trạng tham gia đào tạo trong doanh nghiệp



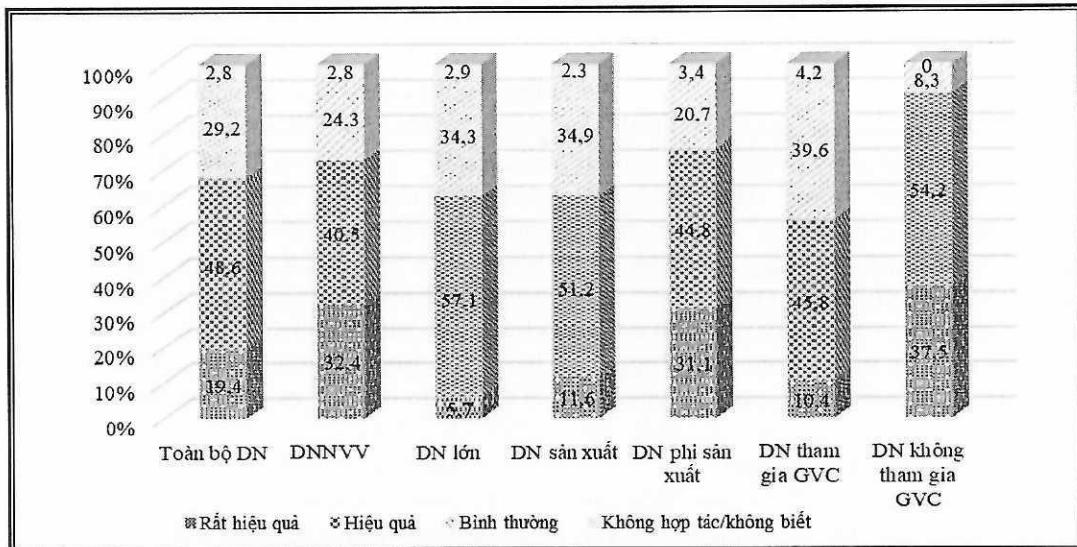
Ghi chú: DN: doanh nghiệp; GVC: chuỗi giá trị toàn cầu.

Nguồn: VCCI (2021).

Kết quả phân tích tại hình 1 cho thấy, sự khác biệt đáng kể giữa DNNVV và doanh nghiệp lớn về tình hình đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người lao động trong doanh nghiệp. Tỷ lệ doanh nghiệp không đào tạo cho người lao động tại các DNNVV cao hơn gần bốn lần so với các doanh nghiệp lớn; điều đó chứng tỏ phần trăm doanh nghiệp thực hiện đào tạo cho doanh nghiệp hoặc đào tạo cho cả doanh nghiệp và xã hội thấp hơn. Ngoài ra, 2,6% các doanh

nghiệp thực hiện các phương án đào tạo khác như đào tạo theo đề xuất hay theo đơn đặt hàng. Như vậy, tương đồng với sự phân tích bên trên, thực tế, DNNVV không quan tâm nhiều đến công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho người lao động. Hơn nữa, theo kết quả khảo sát doanh nghiệp của VCCI (2021) cho thấy, tỷ lệ DNNVV có hợp tác với các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực lao động bên ngoài còn hạn chế.

**HÌNH 2: Đánh giá kết quả hợp tác trong đào tạo lao động  
đáp ứng cách mạng Công nghiệp lần thứ tư**



*Ghi chú:* DN: doanh nghiệp; GVC: chuỗi giá trị toàn cầu.

*Nguồn:* VCCI (2021).

Hình 2 cho thấy, khi so sánh kết quả hợp tác trong đào tạo lao động đáp ứng Cách mạng công nghiệp lần thứ tư của doanh nghiệp với các cơ sở đào tạo giữa các nhóm doanh nghiệp quy mô khác nhau, có sự chênh lệch tương đối đáng kể. Trong đó, tỷ lệ DNNVV cho kết quả hợp tác ở mức rất hiệu quả chiếm hơn 30%, cao gấp sáu lần so với tỷ lệ này ở các doanh nghiệp lớn; còn doanh nghiệp lớn lại đánh giá quá trình hợp tác cho kết quả ở mức bình thường đến hiệu quả. Điều này cho thấy, sự hài lòng của các DNNVV đối với quá trình hợp tác đào tạo lao động với các cơ sở đào tạo cao hơn so với các doanh nghiệp lớn.

### 5. Kiến nghị

Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đề xuất một số kiến nghị nhằm phát triển các DNNVV ở Việt Nam trong thời gian tới:

**Một là,** Chính phủ cần xây dựng chiến lược ngắn hạn và dài hạn phát triển doanh nghiệp tại các địa phương. Chú trọng tạo

điều kiện cho các DNNVV, đồng thời thu hút đầu tư đối với các doanh nghiệp có quy mô lớn. Đây là kinh nghiệm của các quốc gia như Hàn Quốc, Trung Quốc... Do đó, phải thu hút các tập đoàn kinh tế trong nước cũng như các tập đoàn đa quốc gia, FDI đến đầu tư.

Trên cơ sở chiến lược phát triển doanh nghiệp, trong đó có phát triển DNNVV, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cần xây dựng Chương trình phát triển cụ thể cho cả thời kỳ ngắn hạn và dài hạn (đến năm 2030). Trên cơ sở đó tiến hành hoàn thiện chính sách phát triển kinh tế - xã hội nói chung và phát triển DNNVV nói riêng. Từ đó tiến hành cụ thể hóa luật pháp của Nhà nước về phát triển doanh nghiệp, phát triển DNNVV. Đồng thời xây dựng những chính sách đặc thù để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp nói chung và DNNVV nói riêng. Đặc biệt là hỗ trợ doanh nghiệp ra đời, ứng dụng công nghệ hiện đại và chuyên đổi số

trong quản trị.

Bên cạnh đó, cần đẩy nhanh quá trình cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao chất lượng, năng suất, hiệu quả. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cần xác định các lĩnh vực mũi nhọn, các sản phẩm hàng hóa chủ lực, trên cơ sở phát huy các tiềm năng, lợi thế so sánh và thu hút các doanh nghiệp lớn có tầm chiến lược từ các địa phương trong cả nước cũng như từ các quốc gia phát triển hàng đầu trên thế giới.

**Hai là**, tiếp tục duy trì và phát triển các DNNVV hiện có. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố cần xây dựng kế hoạch chi tiết để DNNVV thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ quản trị hiện đại, đổi mới sản phẩm và nâng cao chất lượng sản phẩm cũng như xây dựng thương hiệu, chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc; tham gia chuỗi giá trị quốc gia và toàn cầu.

Tăng cường nâng cao chất lượng về nhân lực để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của sản xuất, kinh doanh ngắn hạn và dài hạn bằng cách bồi đắp về quy mô, cơ cấu theo ngành nghề, giới tính, độ tuổi phù hợp, thực hiện phân công lao động hợp lý và luôn tính đến hiệu quả công việc. Luôn coi trọng việc nâng cao trình độ người lao động từ khâu tuyển dụng, đến việc gửi đi đào tạo và đào tạo lại, để tạo được đội ngũ lao động lành nghề, có kỷ luật và năng suất lao động cao, trình độ chuyên môn vững tạo ra chất lượng sản phẩm và dịch vụ cao.

Sẵn sàng chuẩn bị nguồn nhân lực để tham gia vào nền kinh tế số - nền kinh tế vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số. Kinh tế số bao gồm tất cả các lĩnh vực và nền kinh tế (công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ, sản xuất, phân phối, lưu thông hàng hóa, giao thông vận tải, logistic, tài chính, ngân hàng...) nên nó bao phủ đến tất cả các DNNVV. Tuy nhiên, một bộ phận không

nhỏ các DNNVV ở Việt Nam vẫn chậm đổi mới nên cần thiết phải cập nhật thông tin, nâng cao chất lượng, trình độ quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro và quản lý tài chính, đào tạo hoặc bổ sung nguồn lực phù hợp với xu thế kinh tế hiện nay. Kinh tế số có thể được tập hợp trong ba quá trình xử lý chính đan xen với nhau: xử lý vật liệu, xử lý năng lượng, xử lý thông tin. Trong đó, xử lý thông tin là khâu quan trọng nhất mà các DNNVV ở Việt Nam cần lưu ý.

Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố nên có kế hoạch thành lập Hiệp hội doanh nghiệp theo ngành nghề để kết nối có hiệu quả DNNVV với chính quyền địa phương và với thị trường quốc tế.

**Ba là**, thường xuyên đánh giá hiệu quả của các doanh nghiệp. Thực hiện phân tích kết quả và hiệu quả kinh doanh để thấy được điểm mạnh, điểm yếu ở từng khâu, từng bộ phận, từ đó đề ra kế hoạch và các giải pháp cho kỳ tới phát triển tốt hơn. Về tài chính, luôn cần thiết phải thực hiện tốt việc thu hút vốn, bảo tồn và phát triển vốn, muôn vây phải thực hiện hạch toán kế toán theo những nguyên tắc chuẩn mực hiện hành, tăng cường kiểm soát nội bộ, thực hiện kiểm toán độc lập, để ngăn ngừa sai phạm, thất thoát, thực sự đưa đồng vốn sử dụng có hiệu quả. Đồng thời thực hiện liên kết, liên doanh với các doanh nghiệp khác theo nguyên tắc hợp đồng và đảm bảo tính pháp lý chặt chẽ; tuân thủ pháp luật và chính sách Nhà nước ban hành về Luật Doanh nghiệp, Luật Môi trường, chính sách thuế và tài chính.

**Bốn là**, các DNNVV cần nâng cao trách nhiệm xã hội doanh nghiệp thông qua những hành động và đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của các địa phương trên cả nước.

**Năm là**, tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực thuế, hải

quan. Đây mạnh cản cách thủ tục hành chính thuế thông qua ban hành chế độ quản lý rủi ro đối với các DNNVV thuộc đối tượng thanh tra, kiểm tra về thuế; tiếp tục sửa đổi quy định về hồ sơ hoàn thuế, phần mềm hỗ trợ công tác tự động xây dựng báo cáo hồ sơ hoàn thuế; nộp hồ sơ hoàn thuế qua mạng; xây dựng cơ sở dữ liệu về quản lý công tác hoàn thuế và thực hiện công khai để người được hoàn thuế biết được thông tin về tình trạng giải quyết hồ sơ hoàn thuế. Ngoài ra, triển khai đồng bộ, rộng khắp ứng dụng công nghệ thông tin trong kê khai, nộp thuế, hoàn thuế, thanh toán tiền thuế qua di động, thanh toán qua internet. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý để đảm bảo việc triển khai đầy đủ hệ thống thông quan điện tử...

**Sau là**, Chính phủ cần chủ động hơn nữa trong việc hỗ trợ đào tạo trong DNNVV. Việt Nam hiện chưa có một chương trình công cụ thể nhằm nâng cao tay nghề, kỹ thuật của lực lượng lao động trong DNNVV. Các cơ sở đào tạo nghề chủ yếu tập trung đào tạo kỹ năng cơ bản cho người mới tham gia thị trường lao động và người thất nghiệp, chứ không phải các chương trình nâng cao tay nghề cho người lao động hiện tại, mặc dù đây là chìa khóa để xây dựng năng lực đổi mới của DNNVV. Do đó, Chính phủ có thể xem xét thiết lập một chương trình đào tạo lực lượng lao động dành riêng cho DNNVV đã có chỗ đứng. Sáng kiến này phải là kết quả của sự hợp tác chặt chẽ giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp.

**Bây là**, cần tận dụng nguồn lực và ưu đãi chính sách của các chương trình mục tiêu quốc gia như: giảm nghèo bền vững, nông thôn mới và chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Thông qua các chương trình để thực hiện phát triển các mô hình doanh

nghiệp phù hợp góp phần tạo sinh kế bền vững và thay đổi bộ mặt nông thôn Việt Nam - nơi có đại đa số cư dân sinh sống.

### 6. Kết luận

Trong thời gian tới, vai trò của DNNVV đối với tạo việc làm sẽ ngày càng quan trọng; bên cạnh việc phát huy vai trò của các DNNVV hiện có, cần phải quan tâm đầu tư phát triển hơn nữa các DNNVV trong thời gian tới. Việt Nam có tiềm năng lớn để phát triển các DNNVV, phấn đấu đến năm 2030, Việt Nam có khoảng 2,4 triệu DNNVV, không còn doanh nghiệp làm ăn thua lỗ. Phát triển DNNVV là trách nhiệm của toàn xã hội, chính quyền các địa phương từ cấp trung ương đến địa phương. Vì thế, nâng cao năng lực quản trị của chính quyền các địa phương là điều cần thiết để phát triển DNNVV. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố ngoài thực hiện các kiến nghị đề xuất trên, cần nhanh chóng nâng cao trình độ và năng lực quản lý của chính quyền cấp huyện, xã – nơi trực tiếp quản trị phát triển các DNNVV.

### TÀI LIỆU TRÍCH DÂN

1. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021), *Sách trắng doanh nghiệp Việt Nam 2021*.
2. ILO (2019), *SMEs and job creation: Is small still beautiful?*, [https://www.ilo.org/global/about-the-ilo/newsroom/comment-analysis/WCMS\\_218252/lang--en/index.htm](https://www.ilo.org/global/about-the-ilo/newsroom/comment-analysis/WCMS_218252/lang--en/index.htm)
3. VCCI (2021), *Báo cáo thực trạng tham gia của doanh nghiệp tại Việt Nam trong nâng cao năng lực cho người lao động phục vụ công nghiệp 4.0 và hàm ý cho hợp tác công tư*.

---

Ngày nhận bài : 05-09-2022

Ngày nhận bản sửa : 16-09-2022

Ngày duyệt đăng : 19-09-2022

